

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-PT

Ngày 14 - 3 - 2023

V/v Bồi thường thiệt hại do
hợp đồng chuyển nhượng QSD đất
bị tuyên bố vô hiệu và tranh chấp
hợp đồng chuyển nhượng QSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Mỹ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 225/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc: “Bồi thường thiệt hại do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị tuyên bố vô hiệu và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Y, sinh năm 1976, (có mặt)
Anh Lê Quang T, sinh năm 1976, (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Quang T là chị Võ Thị Y (theo văn bản ủy quyền ngày 29/9/2021).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1939, (vắng mặt)
Anh Lê Quang T1, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hồ Thị T2, sinh năm 1983, (vắng mặt)

2. Anh Lê Quang T3, sinh năm 1969, (vắng mặt)

3. Anh Lê Quang H, sinh năm 1972, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chị Lê Ngọc T4, sinh năm 1973, (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Trần Hưng Đạo, khu vực 1, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

5. Anh Trương Thanh V, sinh năm 1979, (vắng mặt)

6. Cháu Trương Gia P, sinh năm 2004, (vắng mặt)

7. Cháu Trương Gia L, sinh năm 2012, (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trương Gia P và cháu Trương Gia L là anh Trương Thanh V, sinh năm 1979, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm N, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

8. Chị Châu Thị Bích T5, sinh năm 1972, (vắng mặt)

9. Anh Diệp Bình H1, sinh năm 1975, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Võ Thị Y, sinh năm 1976

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, chị Y và anh T thống nhất trình bày: Ngày 08/3/2011 (âm lịch) vợ chồng chị Y, anh T nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lê Hoàng N và bà Lê Thị T phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 85,6m², tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu với giá 250.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng đất chỉ làm giấy tay, anh chị đã giao đủ số tiền 250.000.000 đồng cho vợ chồng ông N, bà T. Do thời điểm chuyển nhượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N, bà T đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng, nên anh chị không làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Đến năm 2018 ông N, bà T làm thủ tục tặng cho anh Lê Quang T1 phần đất đã chuyển nhượng cho anh chị và anh T1 đã kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018. Ngày 27/5/2020 anh, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh chị với vợ chồng ông N, bà T và đã được Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, nhưng khi đó anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, nên nay anh chị yêu cầu buộc ông N, bà T bồi thường thiệt hại do hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu bằng số tiền 450.000.000 đồng, nhưng do bà T đã chết năm 2019, anh T1 là người được ông N, bà T tặng cho quyền sử dụng phần đất mà ông N, bà T đã chuyển nhượng cho anh chị, nên anh chị yêu cầu ông N, anh T1 cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh chị. Ngoài ra, anh chị còn yêu cầu tuyên bố hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Lê Quang T1 với bà Châu Thị Bích T5.

Bị đơn ông Lê Hoàng N trình bày: Ngày 08/3/2011 vợ chồng ông có chuyển nhượng cho vợ chồng anh T, chị Y phần đất đo đạc thực tế diện tích 85,6m², việc chuyển nhượng chỉ lập giấy tay nên bị Tòa án tuyên bố vô hiệu, nay ông không đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền 450.000.000đ theo yêu cầu của anh T, chị Y, vì hiện nay ông không còn sức lao động, đang mắc bệnh nan y, mọi sinh hoạt hàng

ngày đầu do anh T1 chăm sóc. Vợ ông là bà T đã chết vào năm 2019, ông và bà T có tất cả 06 người con gồm: Anh Lê Quang T2, anh Lê Quang H, anh Lê Quang T, anh Lê Quang T1, chị Lê Ngọc T3 và chị Lê Ngọc T4 (chị T4 chết năm 2020), chị T4 có chồng là anh Trương Thanh V và 02 người con là cháu Trương Gia P và cháu Trương Gia L. Bà T chết không để lại tài sản gì cho ông và các con. Nay ông xác định phần đất vợ chồng ông chuyển nhượng cho vợ chồng anh T, chị Y có giá 300.000.000đ vì có phần đất giáp ranh với phần đất này được bán vào năm 2018 có diện tích tương tự với giá là 290.000.000 đồng.

Bị đơn anh Lê Quang T1 trình bày: Anh không đồng ý cùng có trách nhiệm với ông Lê Hoàng N bồi thường thiệt hại cho chị Y, anh T số tiền 450.000.000đ, do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Y, anh T với cha mẹ anh là ông Lê Hoàng N, bà Lê Thị T bị Tòa án tuyên vô hiệu anh không tham gia giao dịch chuyển nhượng đất và cũng không có nhận tiền chuyển nhượng đất từ vợ chồng chị Y, anh T. Hiện nay anh đang trực tiếp nuôi ông N già yếu và mắc bệnh nan y. Đối với số tiền 250.000.000đ do ông N, bà T nhận của anh T, chị Y khi chuyển nhượng đất anh đồng ý trả vì mẹ anh đã chết, ông N già yếu, mắc bệnh nan y nên anh tự nguyện trả lại số tiền này thay cho cha mẹ anh. Nay chị Y, anh T tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông N bồi thường thiệt hại do giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/3/2011 vô hiệu thì anh không đồng ý bồi thường. Đối với yêu cầu của chị Y, anh T yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh và chị T5 vô hiệu, anh không đồng ý, vì phần đất anh chuyển nhượng cho chị T5 là phần khác khác, không phải phần đất cha mẹ chuyển nhượng cho chị Y, anh T rồi lấy lại tặng cho anh, phần đất anh chuyển nhượng cho chị T5 anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc chuyển nhượng đất được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Châu Thị Bích T5, anh Diệp Bình H1 thống nhất trình bày: Ngày 24/9/2021 anh chị nhận chuyển nhượng của anh T1 phần đất diện tích 113,6m², tại thửa 283, tờ bản đồ số 41 và căn nhà một tầng trệt, một tầng lầu gắn liền với đất với giá 1.000.000.000đ. Việc chuyển nhượng nhà, đất có làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 24/9/2021 được chứng thực tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nay anh chị không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh T, chị Y yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, vì phần đất anh chị nhận chuyển nhượng của anh T1 không phải phần đất vợ chồng ông N, bà T chuyển nhượng cho vợ chồng chị Y, anh T đã bị Tòa án tuyên vô hiệu. Hiện nay anh chị đang quản lý, sử dụng phần đất nhận chuyển nhượng của anh T nhưng không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất được, vì chị Y gửi đơn đến UBND huyện H và chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H ngăn cản việc anh chị làm thủ tục kê khai, đăng ký sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị T2 trình bày: Chị là vợ anh Lê Quang T1, chị thống nhất với ý kiến của anh T1, chị không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lê Quang H, anh

Trương Thanh V, cháu Trương Gia P, cháu Trương Gia L thống nhất trình bày: Thời điểm vợ chồng ông N, bà T chuyển nhượng đất cho vợ chồng chị Y, anh T các con trong gia đình không biết. Sau này mới biết có việc cha mẹ chuyển nhượng đất cho vợ chồng chị Y, anh T nhưng sau đó lấy lại tặng cho anh T1 và anh T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh H, anh V, cháu P, cháu L không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lê Quang T3, chị Lê Ngọc T4 xác định: Thời điểm ông N, bà T chuyển nhượng đất cho vợ chồng chị Y, anh T anh T3, chị T4 không biết. Đến khi vợ chồng anh T, chị Y khởi kiện ra Tòa thì anh T3, chị T4 mới biết có việc cha mẹ chuyển nhượng đất cho vợ chồng anh T, chị Y, nhưng sau đó ông N, bà T lấy lại phần đất chuyển nhượng này tặng cho lại cho anh Lê Quang T1 và anh T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay anh T3, chị T4 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng chị Võ Thị Y, anh Lê Quang T1. Buộc ông Lê Hoàng N có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh Lê Quang T, chị Võ Thị Y số tiền là 225.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, anh T yêu cầu anh Lê Quang T1 cùng có trách nhiệm với ông Lê Hoàng N bồi thường số tiền 225.000.000đ. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của vợ chồng chị Võ Thị Y, anh Lê Quang T về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Lê Quang T1 với chị Châu Thị Bích T5.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/10/2022 chị Võ Thị Y có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Y thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, yêu cầu anh T1 cùng có trách nhiệm với ông N bồi thường số tiền 225.000.000đ, các nội dung kháng cáo khác chị giữ nguyên.

Phát biểu tranh luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo chị Y, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, có người có đơn xin vắng mặt, có người vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[1.2] Xét việc rút một phần kháng cáo của chị Y, theo đơn kháng cáo chị Y yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T, chị Y. Theo đơn khởi kiện, anh T, chị Y yêu cầu anh T1 cùng có trách nhiệm với ông N bồi thường thiệt hại cho anh, chị tổng số tiền 450.000.000đ, tại phiên tòa chị Y rút lại một phần kháng cáo, chỉ yêu cầu anh T1 cùng có trách nhiệm với ông N bồi thường thiệt hại cho chị và anh T số tiền 225.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần kháng cáo của chị Y là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của chị Y.

[2] Về nội dung: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 18/03/2021 của Tòa án nhân dân huyện H và Bản án phúc thẩm số 55/2021/DS-PT ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh T, chị Y với vợ chồng ông N, bà T. Buộc ông N và anh T1 cùng có trách nhiệm hoàn trả cho anh T, chị Y số tiền 250.000.000 đồng. Chị Y, anh T không yêu cầu ông N bồi thường thiệt hại khi hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu, nên khi giải quyết Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết mà dành cho chị Y, anh T quyền khởi kiện yêu cầu ở vụ án khác. Ngoài ra, anh T, chị Y còn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T1 với chị T5, anh H1.

[3] Xét kháng cáo của chị Y yêu cầu anh T1 cùng có trách nhiệm với ông N bồi thường thiệt hại do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị tuyên bố vô hiệu bằng số tiền 225.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 18/03/2021 của Tòa án nhân dân huyện H và Bản án phúc thẩm số 55/2021/DS-PT ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa T, chị Y với vợ chồng ông N, bà T do việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bên không tuân thủ quy định về hình thức của giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005, nhưng chưa xem xét giải quyết hậu quả của giao dịch bị tuyên bố vô hiệu. Do đó, anh T, chị Y có quyền yêu cầu ông N, bà T bồi thường thiệt hại do giao dịch bị tuyên bố vô hiệu. Theo Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định khi giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm xác lập, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường, theo đó khi tuyên bố giao dịch vô hiệu phải xem xét đến lỗi của các bên làm cho giao dịch bị tuyên bố vô hiệu.

[3.1] Xét lỗi dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T, chị Y với vợ chồng ông N, bà T bị tuyên bố vô hiệu, thấy rằng: Thời điểm các bên giao dịch đã không tuân thủ về hình thức của giao dịch là điều kiện có hiệu lực của giao dịch, không thực hiện đúng các quy định về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và không được công chứng, chứng thực theo quy định, phần đất chuyển nhượng đang thế chấp Ngân hàng nhưng các bên vẫn tiến hành giao dịch, nên lỗi dẫn đến hợp đồng bị vô hiệu của các bên ngang nhau, mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ thiệt hại là phù hợp.

[3.2] Căn cứ kết quả định giá ngày 20/7/2022 xác định phần đất các bên giao dịch tại thời điểm định giá là 700.000.000đ, nên thiệt hại xảy ra là 450.000.000đ (700.000.000đ – 250.000.000đ), mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ thiệt hại bằng số tiền 225.000.000đ. Như vậy, ông N, bà T cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh T, chị Y số tiền 225.000.000đ.

[3.3] Tuy nhiên, tại thời điểm tuyên bố giao dịch vô hiệu bà T đã chết, nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi giao dịch bị tuyên bố vô hiệu. Theo khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự 2015 quy định “Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Như vậy quyền và nghĩa vụ của bà T sẽ được chuyển giao lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm: Ông Lê Hoàng N, anh Lê Quang T2, anh Lê Quang H, anh Lê Quang T, anh Lê Quang T1, chị Lê Ngọc T3 và chị Lê Ngọc T4. Do chị Lê Ngọc T4 chết sau bà T, nên quyền và nghĩa vụ của chị T4 sẽ được chuyển giao lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị T4 gồm: Anh Trương Thanh V, cháu Trương Gia P và cháu Trương Gia L. Tuy nhiên, qua làm việc với các đương sự trong vụ án cũng như qua xác minh chính quyền địa phương thì có căn cứ xác định bà T chết không có để lại di sản. Phần đất anh T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông N, bà T tặng cho thông qua hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, không phải được hưởng thừa kế di sản từ bà T và giao dịch tặng cho này đã hoàn thành trước khi bà T chết. Do đó, không có căn cứ để buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản cho bà T. Anh T1 không tham gia giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông N, bà T với anh T, chị Y. Trong quá trình tố tụng anh T1 không đồng ý bồi thường thiệt hại thay cho bà T. Nên, cấp sơ thẩm buộc ông N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh T, chị Y số tiền 225.000.000đ, không buộc ông T1 cùng có trách nhiệm cùng với ông N bồi thường thiệt hại cho chị Y, anh T số tiền 225.000.000đ là có căn cứ, phù hợp pháp luật, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của chị Y.

[4] Xét kháng cáo của chị Y yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T1 với anh H1, chị T5 vô hiệu. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 04/10/2021, Tòa án ra thông báo cho anh T, chị Y nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ phần đất anh T1 chuyển nhượng cho chị T5, anh H1, nhưng hết thời gian quy định mà anh T, chị Y không nộp tạm ứng chi phí tố tụng

theo thông báo nêu trên. Tại biên bản làm việc ngày 22/10/2021, Tòa án đã giải thích việc xem xét, thẩm định phần đất mà anh T1 chuyển nhượng cho anh H1, chị T5 là cần thiết cho việc xem xét yêu cầu khởi kiện của chị Y, anh T, nhưng chị Y vẫn không đồng ý nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Y, anh T về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 24/9/2021 giữa anh T1 với chị Bích T5 là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của chị Y.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo chị Y, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, nên cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá và án phí dân sự phúc thẩm:

[7.1] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Lê Hoàng N được miễn nộp, do ông N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí. Anh Lê Quang T và chị Võ Thị Y phải nộp chung án phí số tiền 11.250.000đ (Mười một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

[7.2] Về chi phí định giá: Chi phí định giá 1.200.000đ (Một triệu, hai trăm ngàn đồng) ông Lê Hoàng N phải chịu toàn bộ, ông Lê Hoàng N đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 600.000 đồng, theo phiếu thu số T026 ngày 08/03/2022, anh Lê Quang T và chị Võ Thị Y đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 600.000đ, theo phiếu thu số T007 ngày 04/07/2022, nên buộc ông Lê Hoàng N có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh T, chị Y số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng).

[7.3] Án phí dân sự phúc thẩm, chị Võ Thị Y kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thị Y, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2022/DSST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 148, điểm d khoản 1 Điều 217 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 612, 615, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của chị Võ Thị Y yêu cầu anh Lê Quang T1 cùng có trách nhiệm với ông Lê Hoàng N bồi thường thiệt hại cho anh Lê Quang T và chị Võ Thị Yến số tiền 225.000.000đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Y và anh Lê Quang T.

- Buộc ông Lê Hoàng N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Lê Quang T và chị Võ Thị Y số tiền là 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quang T và chị Võ Thị Y yêu cầu anh Lê Quang T1 cùng có trách nhiệm với ông Lê Hoàng N bồi thường thiệt hại cho anh Lê Quang T1 và chị Võ Thị Y số tiền 225.000.000đ.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Y và anh Lê Quang T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 24/9/2021 giữa anh Lê Quang T1 với chị Châu Thị Bích T5, anh Diệp Bình H1.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chi phí định giá tài sản và án phí dân sự phúc thẩm:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc anh Lê Quang T và chị Võ Thị Y cùng có trách nhiệm nộp số tiền là 11.250.000đ (Mười một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng). Anh Lê Quang T và chị Võ Thị Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 11.000.000đ, theo các biên lai thu số 0005878 ngày 24/09/2021 và số tiền 300.000đ, theo biên lai thu số 0005882 ngày 04/10/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí 11.250.000đ. Hoàn trả lại cho anh Lê Quang T và chị Võ Thị Y số tiền 50.000đ (Năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông Lê Hoàng N được miễn nộp toàn bộ.

4.2. Chi phí định giá tài sản tranh chấp tổng số tiền là 1.200.000 đồng, ông Lê Hoàng N phải chịu toàn bộ, buộc ông Lê Hoàng N có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lê Quang T và chị Võ Thị Y số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng)

4.3. Về án phí dân sự phúc thẩm, chị Võ Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Võ Thị Y đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0006547 ngày 12/10/2022 được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự, Luật sư;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn